

Dón tt tu tích chon phuoc úc
Cha Xi-Tê Pha-Nô Thê tú ao
(2e éd.)

| . Dón tt tu tích chon phuoc úc Cha Xi-Tê Pha-Nô Thê tú ao (2e éd.). 1915.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».

- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.

- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.

8^o
INDO-CHINOIS

213

ĐƠN TẮT TỰ TÍCH

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 4071

CHƠN PHƯỚC ĐỨC CHA

XI-TÊ-PHA-NÔ THÊ



TỰ ĐẠO

In lần thứ 2



IMPRIMERIE de QUINHON

(Annam)

—••• 1915 •••—



Nom d'auteur.....II.....

Titre de l'ouvrage: Don tât tũ tích chón
phước đức cha Xi-bê-pha-Nô Bhe
tũ đạo (Vie abrégée du Bsc Cuervot)



CHƠN PHƯỚC

ĐỨC CHA XI-TÊ-PHA-NÔ THÊ.



8 Ind-Ch

213

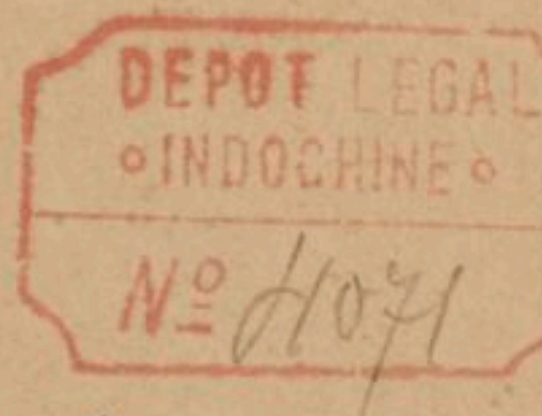
IMPRIMATUR

Làng-sông, 6 Jan. 1915.

† D. GRANGEON

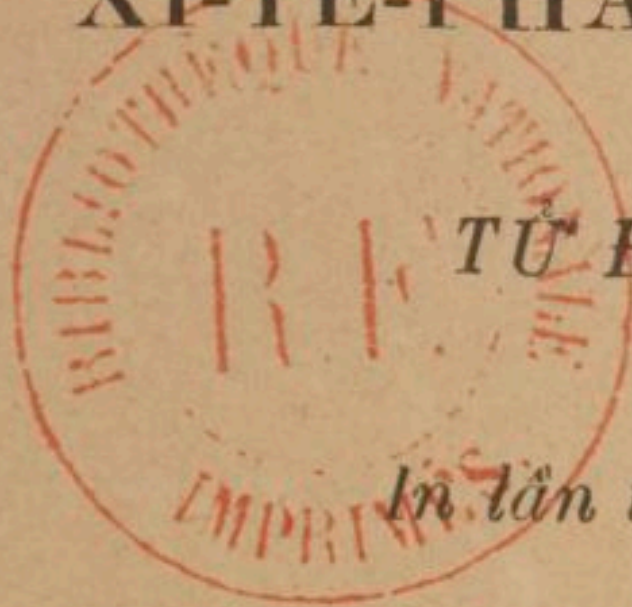
Vic. Ap.

ĐƠN TẮT TỰ TÍCH



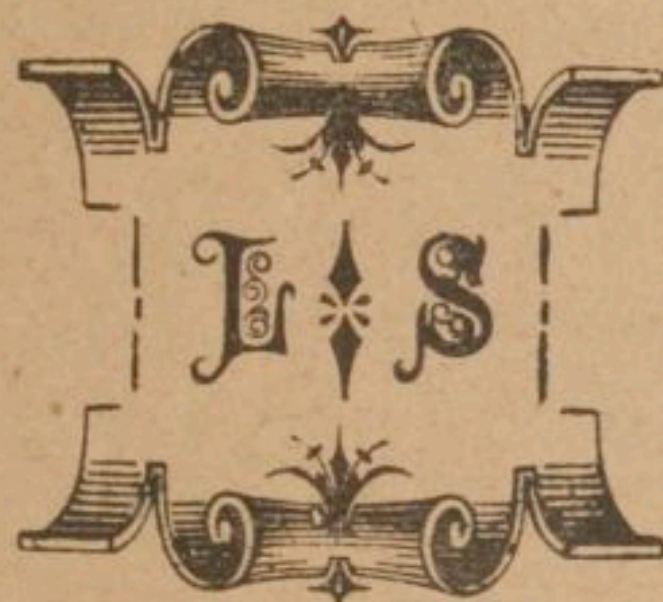
CHƠN PHƯỚC ĐỨC CHA

XI-TÊ-PHA-NỔ THÈ



TỰ ĐẠO

Ấn lần thứ 2



IMPRIMERIE de QUINHON

(Annam)

1915





Lời Bảo

—o—

Có lời thánh Kinh rằng: « *Tao là đấng thánh, thì bay phải nên thánh như Tao.* » Ấy là lời Chúa dạy hễ học đạo, đã vào Hội thánh, thì phải ra sức cho đặng nên thánh.

Vậy Hội thánh phân ra ba bậc thánh ; cho ta rõ biết đứng nào đã lên đến bậc thánh : bậc thứ nhứt, là bậc *đáng kính*, là khi Đức Giám mục địa phận nào, xét tường tận kĩ càng, có chứng cứ rõ ràng, tích hạnh đứng nào đã giữ đạo trọn niêm, làm nhiều việc sáng danh Chúa, cùng sáng danh đạo, như đã chịu chết vì đạo, vân vân. Mà gọi tâu Toà thánh, thì Toà thánh khảo lại kĩ càng, không thấy sự gì trặc ngại, thì hạ sắc ban đặng gọi đứng ấy là *Đáng kính* ; mà không đặng khăn cầu, lễ bái chung nơi mộ, hay là hải cốt đứng ấy ; song phải làm riêng mà thôi ; cũng chẳng đặng đắp hình, vẽ ảnh có hào quang hay là vòng tròn trên đầu.

Bậc thứ hai là bậc *Chơn phước*, là khi Toà thánh khảo lại tích hạnh đứng ấy kĩ càng hơn, mà cũng không đều gì nghi ngại, thì tặng lên bậc *Chơn Phước*, thì cho phép làm lễ kính đứng ấy trọng thể ; mà trong những nơi riêng, như

trong quê hương, trong địa phận, cùng những nơi riêng như vậy mà thôi. Cũng dựng đắp hình, vẽ ảnh có hào quang trên đầu đứng ấy.

Bức thứ ba là bức *Thánh* trời xa hơn; bức này Đức Giáo Tông dạy cả và Hội thánh làm lễ kính đứng ấy, vì đã dựng vào sổ thánh cả trên trời dưới đất, thì càng đoái thương chúng ta ở chốn chiến trường.

Vậy nay Hội thánh đã tặng Đức Cha *THÊ* lên vì *Chơn Phước*, là Hội thánh đoán chắc, thật Người dâng hương phước trên nước Thiên đàng; thì Người có thân thể trước Toà Chúa, và hằng đem lòng thương các con còn ở giữa chốn khách đây.

Vì vậy Đức Cha dạy tóm tắt tích hạnh Người, cho ai nấy dễ biết dễ nhớ, hầu mọi người trên dưới dâng học đòi mọi gương phước đức Người: nhứt là lòng khiêm nhượng, khó khăn, nhịn nhục, chịu khó, và ái mộ phần rỗi người ta; sau là cho giáo hữu cảm cảnh công ơn Người, vì Người đã dẫn đường cho ông bà cha mẹ ta biết đường giữ đạo, truyền lại cho ta, và siêng năng xin Người cầu bầu cho ta bền lòng giữ nghĩa Chúa cho trọn, cho ngày sau dâng hiệp cùng Người, mà ngợi khen Chúa chẳng hay cùng chẳng hay hết.

DÓN TẮT TỰ TÍCH

CHƠN PHƯỚC ĐỨC CHA

Xi-tê-pha-nô THÊ.

DỨC Cha Chơn phước THÊ, là người Phũ-lang-sa, sinh ra năm 1802. Khi người còn bé, có tính chững chàng, và hay chịu khó. Còn phần cha mẹ, siêng năng tuần túc, lo dạy con, học hành kinh sách, cùng luyện tập đàng phước đức. Khi người đã đến tuổi khôn, thì cha mẹ cho đi học chữ. Mà bởi Người sáng dạ học hành, mau thông mau biết, cho nên láng giềng ai ai cũng đều khen ngợi. Bởi đó Cha sở bảo cha mẹ cho Người vào trường học tiếng la-tinh.

Khi người học tiếng la-tinh, vừa xong, thì vào trường chung, học cách vật và sách đoán. Bởi Người sắc trí, thì thông minh hơn nhiều bạn học.

Lúc ấy Chúa đã mở lòng cho Người quyết phú mình đi giảng đạo phương xa; cho nên Người bàn với Cha linh hồn, xin phép đi; song Cha bàn ra chưa chịu. Vậy Người thấy Cha linh hồn ý không muốn, cho nên mới viết thư cho Bê

trên Hội giảng đạo, xin cho vào hội ấy. Bề trên thương lại rằng: « Phép hội nầy, ai chưa chịu chức thấy năm, thì chưa được vào. Phần thấy đời chừng ấy, sẽ hay. »

Người đăng tin ấy thì yên lòng. Khi chịu chức thấy năm và chức thấy cả đoạn, liền xin Cha địa phận cho phép vào Hội giảng đạo, thì Cha cho mặc ý. Vậy Người bèn gởi thơ cho Bề trên Hội giảng đạo, mà trình tỵ sự ; cho nên Bề trên rước nhập vào hội.



Người ở đó ước đăng một năm, Bề trên sai qua phương Đông mà giảng đạo, thì Người thoã lòng mừng rỡ, bèn từ giã cha mẹ, bà con, bạn hữu, rồi quá giang tàu qua phương Đông, giảng đạo tại Nam-việt, đời Vua Minh-mạng, năm giáng sinh 1828. Mà mắc trở chỗ nọ nơi kia, ba bốn tháng tàu mới đến Ma-caô [bên Đại-minh].

Ở đó ít lâu đợi dịp tiện, đăng sang qua Annam. Mà bởi Người bức tức mong mỏi lắm, cho nên muốn ghe thẳng qua Nam-định. Vậy thừa đêm hôm, ghe lén lọt vào sông, Người liền tin cho bốn đạo hay, liệu cơ rước Người lên đất. Thương hại ! buổi cấm cách, phải chui đụt ần lòn ; không thân lý cố cuộc, một mình bơ vơ, tiếng tăm không biết, lạ người lạ cảnh. Người ở đó ít ngày, mong

ước gặp Đức Cha Từ : cho nên Người cậy người chỉ tín ngoan đạo, mượn thuyền đưa Người đến Đồng-nai.

Lúc này Người đã phải chịu cực sắp đi, vì ở ngoài biển, phần thì ghe nhỏ gió vạt sóng nhào, hiểm trở nhiều bề ; phần thì đi ngang qua tỉnh nào, ghé vào đâu, thì sợ lính tuần lục soát đó ; túng thế phải nằm núp dưới khoang ghe ; đầu lúng túng, nóng nẩy, mà cũng phải nín chịu vậy. Còn vật ăn của uống, lạ nước lạ phong tục, chưa quen chưa nập, thì biết Người khốn cực là dường nào ! Song nhờ ơn Chúa giúp thoát khỏi nguy hiểm, đến nơi gặp Đức Cha bình an.

Đoạn Đức Cha Từ dạy Người ở nhà trường Lái-thieu, học tiếng Annam, luôn dịp cũng dạy học trò tiếng latinh nữa.

Khi Người học tiếng Annam vừa đủ, thì lãnh việc ra coi bốn đạo các sở gần thành Gia-định. Khi ấy Người đã dặng tiếng khen ngợi, vì siêng năng cần mẫn, hay thương giúp bốn đạo, và lo cho kẻ ngoại trở lại ; cho nên bốn đạo triều mến người lắm.



Hay đâu thành linh có chỉ Minh-mạng ra bắt đạo, triệt hạ thánh Đường, bắt bốn đạo xuất giáo, mật thám đạo trưởng tứ phương. Bốn đạo

kinh sợ nếu vua bắt đặng các Cố, thì càng thêm hại lớn ; nên xin các Cố lánh mình tị nạn. Khi ấy các Cố tứ tán, kẻ nam người bắc ; còn phần Người, thì Đ. Cha Từ dạy lãnh các Cha các thầy và học trò đem đi trốn.

Vậy khi xuống ghe đi trốn, thì phải éo le nhiều nỗi, mới lọt vào nước Xiêm đặng. Vốn khi đã giáp cõi Cao-men, qua thủ ngữ không đặng, thì đem nhau trốn vào rừng, chui đụt vào trong chuồng trâu, ở đó năm bảy bữa, mới lên mướn ghe chạy thẳng qua Xiêm.

Lúc ấy Xiêm đang đánh giặc với Annam ; cho nên vua Xiêm bắt cầm Người và những kẻ theo Người ở lại, chẳng cho ra khỏi nước. Túng cùng Người phải ở lại đó một năm. Sau hết kiếm thể thuê ghe, lên đem các thầy và học trò đi mình trần chạy qua Phố-mới. Mà khốn thay ! phần thì sợ Xiêm theo bắt, phần thì sợ thuyền xu đánh cướp, phần thì bạn ghe không biết dăng qua Phố-mới, cứ chạy vong kinh mà thôi. Khi ấy Đức Cha quá cực tâm thần. Mà khi đi ngang qua Đông-nai, Người nhớ thương bôn đạo, biểu ghe ghé vào cho Người lên đất ; song ghe chẳng dám, cứ chạy luôn. May Chúa chỉ dẫn chạy nhằm đến Phố-mới bằng an.

*
* *

Lúc ấy Đức Cha Từ ở Phi-năng đã đặng sắc

Toà thánh phong Giám mục phó. Khi Người nghe cơ Thể đã qua Phố-mới, thì ở Phi-năng qua đó mà phong chức Giám mục cho Người, tại ngày lễ tiếm đăng thánh Giá. Ấy là ý nhiệm Chúa chỉ ngày sau Người sẽ chịu gian truân vì đạo Chúa mọi đảng. Mà thật nay đã ứng nghiệm như vậy.

Khi người đã chịu chức đoan, thì Đức Cha Từ giao sổ sách và phú mọi việc trong cả địa phận, từ cuối nước Cao-mên cho đến sông Gianh cho Người coi giữ.



Khi Người đã lãnh việc Đức Cha Từ trời phú, thì gởi thơ về trường Phari mà rằng: « Khi các ông nghe Đức Cha phong tôi làm phó Giám mục, thế các ông sẽ lấy làm lạ; mà chính mình tôi càng lấy làm lạ hơn nữa. Song Chúa phép tắc, muốn trở đá nên con Đ. C. T. cũng nổi thay; huống chi tôi: Người muốn thế nào, cũng nên thế ấy đăng. Vậy xin các ông cầu nguyện hầu Chúa phép tắc đoái thương tôi. »

Ấy Đức Cha rất khiêm nhượng, xưng mình chẳng đáng chức trọng, cùng chẳng làm nổi việc gì. Rày Chúa nhắc Người lên, làm nên mọi việc, như ta thấy trong lục tỉnh trước phân sáp, thì ta biết tài trí và công lực Đức Cha là dường nào.



Khi ấy Đức Cha gặp dịp có tàu lái buôn kia qua cửa Hàn, thì Người quyết về Annam, đồng sanh tử cùng bọn đạo, thì Người quá giang cùng năm người gia đệ. Khi đi ngang qua Phú-yên, ghé cửa Ma-liên, cho ít người gia đệ lên bờ, ra quảng trước, tin cho bọn đạo chực rước Người. Mà bởi đang đi trắc trở, lâu ngày không tin tức gì dặng. Người ở tại cửa Hàn những trông áy náy lắm. Đến khi dặng tin bọn đạo chực rước, thì Người gởi thư về Pha-ri rằng : « Nay tôi được tin bọn đạo lo rước tôi, mà tôi chưa biết nó sẽ đem tôi đi ẩn nơi nào? Tôi phú dụng mọi việc theo thánh ý Chúa ; tôi để mặc ý bọn đạo ; bất kỳ chỗ nào, tôi cũng chịu, miễn là tôi dặng ở giữa nó, mà giúp đỡ dặng chừng nào tùy sức, thì thôi. »

Ấy lòng Đức Cha rất nóng nả chí thiết, vì biết bọn đạo vắng mặt đứng chặn chiến đã lâu, bị vua quan khắc khổ, nhiều kẻ đã xiêu lòng rún chí; cho nên Người mong trông gặp bọn đạo cho mau, dặng an ủi đỡ vơi trong thì nguy hiểm, kéo tan nát đoàn chiến. Cảm cảnh lòng Đức Cha, thương tiếc các con Nam-việt quá nửa là con đẻ, chẳng quản chi thân mình, một lo phần rồi người ta cho sáng danh Chúa mà thôi.



Vậy khi bọn đạo dặng tin Đức Cha trở về,

thì nửa mừng nửa lo. Mừng lắm, vì chiu chút như gà mất mẹ, ngóng trông khao khát đứng chần chừ đã lâu. Nay nghe tin lành, mừng quá đổi. Mà sợ chẳng vira, vì cơn đông tố, mặt tìm đạo trưởng khắp nơi ; có lâu ra, e việc chẳng lành. Nhưng vậy mặc lòng, liệu sức hèn, cậy phép Chúa, sửa soạn ghe thuyền, đêm khuya núp lén, chèo ra đầu gành Trà-sơn, rước Cha lên đất, vồng về họ An-ngãi, tại nhà trùm Nền ; nhờ ơn trên bình an vô sự

Nhờ Đức Cha ở đó ít lâu, dầu lúc gian truân dẫy dầy khốn khó, mà Cha cầm giữ an ủi thì bốn đạo vững vàng, không hề xao xuyến. Người gởi thư tin khắp mọi nơi đăng hay, đứng Giám mục đã về trong địa phận. Khuyến chung hết thấy : trước là các hành Linh mục, lo dạy dỗ an ủi con chiên trong thì nguy hiểm ; sau các chức các sở đảng anh dắc dứ chúng em, chớ có lòng duông dẫy. « Các con yêu dấu, hết thấy, ở cho vững vàng. Chớ rùn chí sồn lòng mà bỏ nghĩa Chúa ».

Đức Cha quyết một lòng an cần ái tuất, chỉ chuyên cầm giữ đoàn chiên. Thì đông tố đã cho học trò và các nhà phước, kiếm phương tị nạn, thì nay học trò hiệp lại đăng hai nhà trường ; còn các chi đảng tám nhà phước, ở rải rác các nơi. Người lại lo phong chức các Cha, sai đi các miền, giữ gìn con chiên trong thì nguy hiểm ;

cùng lo chọn học trò, gởi sang Phinăng học hành đạo lý, sau về kế giúp giảng đạo đời nơi.

*
* *

Lúc ấy quan quân như hùm dữ phủ vây, mà Đức Cha chẳng nề bao quảng, một liều mình ở giữa muông sói chẵn giữ đoàn chiên. Cảm cảnh lòng Đức Cha, vì nước khác, lạ hương, lạ hết mọi điều, mà cũng uốn mình giữ theo thói phép cũng bằng người quen. Thương là thương ! vì diện cao sang, mà trong khi túng ngặt, ẩn tàng cách rất nhỏ nòi, vì con chiên, chẳng quảng thân mình.

*
* *

Đương lúc ấy Đức Cha ở Quảng ba năm, rồi muốn châu tri các tỉnh, thì lần vô Tư-nghĩa, đút nhờ nhà thầy Ngoan, tại họ Phú-hoà. Buổi ấy Người vắng qua tỉnh nào, đều lựa nhà chỉ tín, đạo đức ; ở tạm ít lâu, rồi lại sang nơi khác. Người vắng Tư-nghĩa ít tháng, rồi vô Bình-định, ở lại Bồng-sơn ba năm, vắng lai các sở Kim-sơn, Bến đá, Gò-xoài, Gia-hựu. Đoạn vô Gò-thị, mới mở mang bờ cõi.

Kính ngợi Đức Cha rất trí tri, rất khôn khéo. Vì lúc cấm cách, vua quan mật tâm đạo trưởng đạo sư, hễ gặp biết ai, thì bắt nấy ; cho nên các

Cha các thầy ăn ảnh, lo việc Chúa mà thôi ; còn việc bề ngoài, thì không hề dám dự đến, kéo người ta biết mặt. Đức Cha thấy vậy thì liệu thể rất khôn ngoan, là từ Quảng-nam cho đến Bình-thuận, nghe trong họ có ông nào đạo đức chỉ tín, lại thân với quan, hay việc làng, thì Người ban bằng, đặt làm trùm cả hiện cả, hầu có việc gì rối khó trong dân đạo, thì có các ông ấy lo phân xử. Lại khi Đức Cha toan đi vắng tỉnh nào, thì các ông ấy hộ giá đưa đi, rồi gặp gian nan, thì gỡ nan. Còn hễ toan mở đạo làng nọ chỗ kia, thì các ông cả, cũng phải ra mặt, êm mát với tổng làng trước, rồi các thầy mới đến lo dạy dỗ.

Chúa thương lòng cần quyền Đức Cha, ban ơn phụ giúp cho các ông cả, cùng các ông đầu mục, đặng vững vàng sốt sắng sẵn sàng ; cho nên các ông ấy hết lòng phụ giúp Đức Cha mọi việc ngoài, cho đến đổi trong cơn bắt đạo rất nhiệm nhứt, lại trông dè cọp hùm dữ ác mặc lòng, thì cũng vui lòng đưa rước Đức Cha tỉnh nọ qua tỉnh kia, họ nọ qua họ kia ; nửa đêm, gà gáy, cứ thế như vậy, không hề năn trách. Ấy các ông đời ấy và bốn đạo, khác xa đời nay lắm, cho nên Chúa thưởng phước trời và đặng vang hiển dưới đất, như thánh Anrê Thuồng cùng nhiều người khác, ít đây cũng đặng chức trọng như vậy.



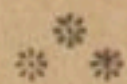
Phân Đức Cha rất cao minh lực lượng, Người nhăm Gò-thị là chỗ gần biển, đông dân, họ lớn, nhà nhiều vây bọc xung quanh, lại có nhiều kẻ hào họ, nhứt là ông thánh Thuông, là người đờn anh trong hương lý, lại thân quan; nếu làm thì nguy hiểm, biết đảng chạy chữa, cho nên Người lựa lổm giữa, xin bốn đạo nhường vườn nọ, để chỗ kia, hầu mở rộng, đủ lập toà Đức Cha, nhà các thầy các chú, và nhà phước nữa.

Song thăm thay ! Toà Giám mục là một căn nhà nhỏ hẹp ; màn lợp là mặt tấm đệm ghe ; màn gió treo tạm đỡ tấm lá khay. Thề diện ấy, mà chỗ ăn nằm rất đổi su sơ. Chúa xưa bỏ trời xuống đất, cứu chuộc dân đen, ngụ nhà Na-da-rét : Đức Cha lìa quê cảnh qua Nam-việt, giảng khuyên người lạc, ngụ chốn này, coi cũng giống như....



Khi Đức Cha lo việc ở an xong xă, trước nhăm xem đất Đông-nai xa vời, liệu bề không xiết ; cho nên phong cổ Ngãi chính quyền Giám mục, vào đó mà đỡ một vai. Người còn lo nỗi Thừa-thiên, đảng quang sơn cách bức, thì lại truyền chức cho cổ Phan, làm Giám mục phó, ra ngự trị đó.

Tuy đạo đương ngặt nghèo, mà bốn đạo nam bắc cũng đặng phỉ nguyên toại chí. Từ đó Đức Cha rảnh đặng bai vai ; rồi ở tại Gò-thị, chỉ dạy dỗ phong chức các thầy, lo gởi học trò qua Phi-năng, sau về kể canh vườn nho Chúa sum vầy. Lại dịch kinh sửa sách phát ra châu khắp, hầu bốn đạo nường nấu, sớm tối cần quyền lo phần rồi. Ôi ! thật Đức Cha thể thức trí huệ vững vàng, khác thể cột đá giữa dòng chẳng hề day trở, cầm lái thuyền thẳng chỉ một bề chẳng hề lui. Cứ khai chỗ nọ, lập nơi kia, thấu nơi rừng hoang cỏ rậm, mà giám truyền đạo Chúa khắp nơi.



Dầu cho miền sơn nước mọi rợ, Người cũng quyết làm cho danh Cha cả sáng đó ; cho nên sai Cha này Cố kia tìm đảng mở đạo ; kẻ ra Quảng-nam, người vô Phú-yên, kiếm sao thấu vào cho đến các làng mọi.

Sau hết Cha Do khi còn làm thầy, và ít người phu tùng lên ngõ An-kê, Tràm-gò, nhờ ơn Chúa, thấu đặng các làng trên ấy, mới khi mở mang dạy dỗ. Đến sau các Cố các Cha kế tiếp cho đến bây giờ.



Lại từ Quảng-nam cho đến Bình-thuận, Đức Cha lập nhà phước cho những người nữ ở tu thân, chuyên việc lành cho sáng danh Chúa, và chuyển cầu cho địa phận nhờ nữa. Lập đôi ba nhà trường tập học trò học, cùng phụ dưỡng nhiều trẻ mồ côi cô độc nữa. Khi ấy bốn đạo đâu đó ăn lo việc lành. Cha thấy giảng dạy đời nơi; trên dưới đều phỉ lòng mừng rỡ, không lời oán ưu.



Hay đâu quỉ dữ mưu sâu, giục lòng Vua quan càng thêm ganh ghét, chí quyết hủy cho tuyệt đạo Chúa. Cho nên trát sức bắt bớ tung bừa những chỗ dạy phá tan thành gò. Đức Cha thấy sự chẳng lành, dạy dỡ bớt ít nhà trường. Quan lại mật tìm đạo trưởng khắp nơi, nhứt là tuần do chỗ Xuân-hương, vì nghe đó Đức Cha ở. Cho nên Đức Cha lánh tránh dời ra Gia-hựu.

Khi Đức Cha ra Gia-hựu vừa dặng ít ngày, có kẻ hặn, bày đi bẩm quan rằng: làng ăn tàn tây dương đạo trưởng. Tỉnh phái quan án ra thăm do sự tình hình. Khi quan đến nơi, thì Đức Cha đã dời đi rồi. Vậy quan soát không thấy gì, thì hồi binh trở về. Đức Cha tạm đó ít lâu, nghe việc trong Tam-thuộc tiếm yên, thì hồi về Gò-thị

Đức Cha ngồi thấy Phú-yên mồ côi cô độc, thì thương, nên chẳng nề dàng quan sơn trất trở; thân hành kinh vãng chỗ nọ nơi kia, chầy ngày không phục thủy thổ, nên lâm bệnh, phải thừa thuyền về Gia-hựu. Bệnh thuyền ở đó ba năm; phong chức các Cha, các thầy; sửa việc nọ, gầy thêm việc khác; an bài rồi, lại trở về Gò-thị.

Đức Cha rất can đảm vững chí, chí chuyên, dẫu cấm cách nhất nhiệm thế ấy, mà cũng lo qui các Cha về cấm phòng, và công luận lập luật sửa dạy các việc trong địa phận. Rột chừng tàu lại Hàn, vào bắn phá Gia-định, thì việc càng sinh rối thêm. Vua Tự-đức nghĩ rằng: bốn đạo a từng theo Tây, chỉ truyền dạy tỉnh phụng khai nhưn số giáo nhưn, bắt ép khoá quá xuất giáo. Đầu mục bắt giải nạp tại tỉnh; ai bất kháng khoá quá, thì phải lưu đày, cùng là mê giam khổ sai. Còn dân đạo từ mười lăm tuổi sắp lên, bắt tựu phủ huyện thích chữ trên má; nhà cửa thì quan dỡ, làng phiên rồi giải. Vợ nào chồng nấy, dặc dít đi sắp biệt tổng biệt thôn. Đã nên là thảm! thảm!

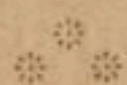


Lúc ấy các Cha tính không còn chỗ, hầu Đức Cha ẩn thân, thì hội lại xin Đức Cha tòng quyền trốn dỡ vào Gia-định; chừng yên việc sẽ trở về. Đức Cha phân lại rằng: « Phán ai trốn đâu được,

thì trốn ; phần Cha lẽ đâu bỏ bỏn đạo sao cho đành. Sống thác mặc ý Chúa định ; may ơn Chúa ban, dặng từ đạo cũng là phước ».

Phần Người chẳng chịu trốn ; song thơ cho hai Cỗ, là cỗ Nhơn và cỗ Từ, ở Bồng sơn phải thuê ghe, đem các Cha và các chú trốn vô Gia-định. Cỗ Nhơn vưng lệnh Đức Cha xuống ghe đi, ghé cửa Giã, gởi thừa Đức Cha, xin trốn luôn thể. Người nhún lại rằng : « Tôi nhứt định không đi, ăn ánh tại Bình-định mà thôi » Thương hại ! khi ấy Đức Cha phải lao phiền nhiều nỗi. Trốn chỗ này, nghe hơi tuần do, dời sang chỗ khác ; đêm hôm phải chu rào, núp bụi, chơn phải chông gai, khi thì nằm núp dưới ruộng ; thân mình lấm những bùn ; băng gò nọ lội suối kia, chun dụt nhà này, thoát sang nhà khác, cứ thế ấy mãi đã nửa tháng trường ; cực đà nèn là cực. Sau túng thế phải bỏ Gò-thị, lên ra Gò-bồi, xin bà Lưu cho vào ẩn đỡ, vì bà ấy lo lót với làng, còn nguyên nhà chưa dỡ. Hỡi ôi ! Đức Cha lao lụy khôn cực mọi đàng, vì đạo Chúa Cha phải gian nan tất tưởi trần phiên cay đắng. Cũng vì con dại, nên quyết liều mình ở giữa muông dữ, cho dặng cứu giúp con.

Còn phần bỏn đạo ghe nỗi thảm sầu. Cửa nhà tan nát, của cải chẳng còn, còn một mình không ; dắc nhau đi sấp. .



Đức Cha ngụ tại nhà bà Lưu, có đem thầy Tuyên chú Nghiem ông Quả theo cùng. Khi Người vào nhà, thì hỏi bà ấy rằng: " Cha vào đây, rui quan bắt đặng, ắt hại sự nghiệp bà lắm: bà tính sao? " Bà ấy thưa rằng: " Lạy Đức Cha, Chúa thương sao hay vậy. Như con không cho Cha vào, thì tội nghiệp Cha lắm! " Đức Cha rằng: " Đây cha có dự theo đôi ba nén bạc; bằng cha bị bắt, thì bà lấy đó mà lót quan, cho cha thoát ra ngoài đồng, quan bắt cha tại đó, có hỏi cha ở đâu, thì cha nói trớ rằng: cha đậu trên trời rớt xuống vậy thì may khỏi can hệ chi đến bà. " Mà bà ấy ái ngại sợ cha chồng là lái Sĩ rầy, sao có chứa Đức Cha, e mình sinh sự cha đâu bất thuận, thì bèn lên thưa với Cha Thọ, xin liệu em mát lái Sĩ cho yên. Cha Thọ kêu lái Sĩ và nói rằng: " Việc đã vậy hay vậy: xin ông đừng phiền, để liệu cũng xuôi. " Rồi Cha bảo hai con trai ông ấy, đến dọn hầm trong lùm lúa bà Lưu, để phòng có chỗ cho Đức Cha ẩn. Anh em bà Lưu vưng làm như vậy.

Ai hay ý Chúa nhiệm mầu thấy công phước đức Đức Cha đã đầy đủ: dày đập chông gai tư bề lao khổ, đêm ngày Người dầm sương dãi

nắng, giữa đoàn chiến hơn 30 năm trời: rày Chúa định thưởng công, rước về chốn Thiên cung, đăng nghi an đời đời.



Số là có người bị bắt, quan tra khảo, bảo chỉ đạo trưởng, tàng ẩn nơi nào? Nó non gan yếu sức, chỉ cha Thọ ở tại nhà lái Sĩ. Quan huyện đắc bằng, nhứt dạ tốc đi vây bắt. Chừng nửa buổi mai, quan đến. Sự bất kỳ, không ai dè đến. Khi ấy Đức Cha làm lễ cảm ơn vừa rồi. Xóm diềng có kẻ chạy về phi báo rằng: "quan quân đi chuyện gì không biết, thế là đi soát đây chẳng?" Trong nhà lật đật bảo Đức Cha, thấy Tuyền, chú Nghiêm vào lăm, đóng cửa lại. Mà bối bối rối rộn rằng không kịp dọn những đồ húy kỵ.

Quan vừa bước lên, lính ào vào soát tứ tung trong ngoài, gặp đồ lễ cùng nhiều thứ khác. Quân liền hô lên, bắt đặt đồ phạm cấm. Thoát thấy ông Quả, người khá mạo diện, quân trưởng là đạo trưởng, liền bắt trói lại. Quan tra ông ấy hỏi đồ này là của ai? có phải là của chú chẳng? Ông Quả chối, không chịu của mình. Quan tra đi gạn lại, mà ông ấy cũng cứ chối dài, không chịu.

Bối vậy quan nghi rằng: của đó, mà sao không người; tên này không chịu là đạo trưởng,

vậy thì đạo trưởng còn ẩn đâu đó chẳng không. Bởi đó quan dân dà, ở lại ba ngày, tra bà Lưu, hỏi ông Quả có phải đạo trưởng chẳng? Bà ấy bầm: « không phải, vì ông là người có đôi bạn; » song quan chẳng tin, cứ soát đi kiểm lại; thì gặp sách kinh của Đức Cha, và ảnh tượng của những người đi sập, gọi lại đó. Đoạn quan đánh bà Lưu 17 roi, bắt đập ảnh khoá quá, song bà ấy chẳng chịu, thì quan dạy khai sản vật dâng tịch biên.

*
* *

Lúc ấy Đức Cha ở trong lăm, nghe thì sự thể ấy, tính không xuôi, phân thì đói khát đã ba ngày, không cơm nước; nên người phú dưng mặc ý Chúa, liền biểu thầy Tuyên chú Nghiêm ra trước. Quan vừa thấy hai người bước ra, liền bắt trời, bỏ nằm một xó. Đức Cha tiếp ra sau. Quan quân chưa từng thấy thể diện người tây, thoát thấy Đức Cha, thì thần hồn bất ngu thể, ó lên tợ giặc; vây bao, chặn hầu, bóp cổ, đè trời ngang. Đức Cha bị đè ép, ngật mình, thở không ra; một hồi tỉnh lại, mới rằng: « Đây tôi không làm dữ cho ai, cũng không tránh trút ngõ nào; làm chi ngật lăm bầy? » Quan nghe vậy, tỏ chút thảm thương, dạy mở trời, mà đóng trướng, để Người ngồi trên sập.

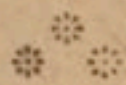
Khi ấy Đức Cha tỏ lòng can đảm yên tĩnh, chẳng cháng. Người bảo đưa sách, cứ đọc kinh như thường sự, chẳng chút bối hồi xao xuyến. Đoạn quan đóng gông thấy Tuyên chú Nghiêm, để ngồi bên Đức Cha. Rồi quan hỏi nấu cơm nước lập tức, bỏ sức Đức Cha, thấy Tuyên và chú Nghiêm, kéo ba ngày không ăn, sợ chết luỗi không kịp tra.



Đức Cha uống nước rồi, quan huyện xây hỏi qua nhiều điều, mà đâu đâu Đức Cha nói xuôi cả, chẳng vương dính đến ai. Quan huyện rằng: « ông qua đây làm chi, việc giặc giã có chi đến phá rầy? buổi loạn ly, sao ông không trốn? vật dụng ông, ai may sắm cho? hai bà này có phải con ông chẳng? » Đức Cha trả lời rằng: « tôi qua đây, có ý giảng đạo mà thôi. Việc đời tôi không hề biết. Tôi quyết lòng ở cùng bản đạo. Phải sợ hãi, tôi đã trốn rồi. Tôi không tham tước lộc tiền tài; phẩm phục đồ tôi, tôi sắm: ai sắm đâu, quan hòng hỏi? Chẳng những bấy người này con tôi mà thôi, song đâu người có đạo đều con tôi hết. »

Quan huyện nghe vậy, chỉ khen Đức Cha lòng can đảm, và lời khôn khéo, thì làm thinh không hỏi nữa. Đoạn quan dạy bao vi nhốt, và

Thầy Tuyên chú Nghiêm ông Quả, và những gia
nhơn bà Lưu, là 14 người, đêm ngày bị vây trong
ấy; còn phần Đức Cha, quan đòi thợ cưa cây đóng
cũi, để hầu giải đi. Khi thợ đóng cũi vừa rồi, quan
bảo Đức Cha vào đó, mà Đức Cha nói với quan
huyện rằng: « phiền ông, nhơn cho tôi một đêm nữa,
thì ơn ông lắm; bằng ông không cho, thì tôi cũng
vưng, chẳng chối, song thỉnh thoãn đợi tôi đọc
kinh xong đã. » Quan huyện cũng còn nhơn, để
Đức Cha ở ngoài đêm ấy.



Thương ôi ! khi ấy Đức Cha bị nhiều điều bí
si hồ bang là đường nào ! Nhầm Gò-bồi, là chốn
thị tứ, bộ hành các xứ tự đó thiếu chi, nó nghe
đồn bắt dặng ông tây, rủ nhau kéo đoàn lũ đến
coi, kêu gọi chỉ chọc trăm lời phỉ báng : « lão nọ
thằng kia », pha lời tục tĩu chẳng kể chi xiết.
Thương Đức Cha bỏ thân lý cố cuộc, qua Nam-
việt lao lưu đi tìm chiêm lạc, nay mang lấy chuỗi
sâu, bị muôn săn phủ vây cũi xé. Nay đã ứng
lời Chúa phán xưa : « Đây tớ chẳng hơn chủ nhà.
Nó ghét Tao, thì bay nó cũng ghét. »

Liền có đội quân tỉnh phái xuống hiệp giải.
Nó hăm hăm như cộp thấy mối, hối thúc giải đi.
Song đã xé, e đến nơi không kịp, nên kinh để
sáng sớm sẽ hay.

Sáng ngày khi quan bài trí giải, thì Đức Cha hỏi y phục vật kiện người ở đâu; xin giao cho người tùy thân. Quan huyện đòi bà Lưu mà hỏi, thì Đức Cha rằng: « quan hỏi chi bà ấy, tôi vào đây có mấy ngày đâu mà bà hồng biết, của tôi, tôi biết, đưa ra tôi nhìn, phải của tôi thì tôi nhận.» Vả khi lính bắt Người, nó cướp thâu lấy hết. Bây giờ quan tra hỏi, thì nó phải đem trả lại cho Người. Đoạn Đức Cha đứng dậy cúi mình chun vào cũi. Thăm ôi! đứng cao sang trọng, phủ phục lòn vào chốn hèn mạt vậy. Lâu các Cha bỏ đi, ưng nhờ chút cũi hẹp nọ, chẳng qua là vì đạo Chúa, cha phải oan ương cầm trong cũi thú, cũng vì con chiên xiêu lạc. Chúa xưa chọn cây khổ hình, làm giá trọng chuộc dân cho rồi; rày Cha ưng chỗ nhục nhã làm báu ngọc mà mua vinh phước. Trần phiên nay đã phủ rồi; mừng Cha nơi cũi thọ hiển vinh.

Bây giờ quan khởi trình giải đi, dân hộ đệ năm mươi dư, lính đai gương cầm giáo bông mác, áp hai bên tả hữu. Còn 14 người bị can án, thì quân chuyển đầu gông dúi xâu lại. Ấy vườn Ma-ni hãy còn dấu cũ; xưa Giu-đêu giải Chúa cho A-na và Cai-pha, rày quân ô đồ giải Đức Cha

cho quan sát hại. Thương là thương ! vì nhằm ngày mưa tháng lụt ! bốn phía trắng lãng, ướt đầm những nước. Cám thương Đức Cha, vì cũi hẹp tư bề trống trải, phải mưa lồng gió lọt ; Đức Cha ướt lạnh, bầm gan tím ruột, nằm ngồi khôn an, khổ đã quá khổ !

Dân hộ đệ đông, bờ hẹp : chen chơn không đặng, nó lợi ruộng băng càn, văn bùn, nước tạt ướt cả và mình Đức Cha. Còn 14 người bị giải, bởi gông dúi chùm, hễ một người trượt ngã, thì kéo mấy người khác cũng phải ngã theo : khốn ấy lười nào kẻ đặng ! Đức Cha đã cực lực, mà thấy các con yêu dấu ngoi ngót tất tưởi, thì lòng người càng thêm xót xa, là ngần nào !

Ác thay ; đã cực lại thêm nuốc : hễ đến chợ nào quân đình lại, cho thiên hạ vũ coi. Ôi ! ở giữa chợ búa, thiếu chi quân ô đồ trác nết, nó chỉ chọc cười nhạo, cho phỉ tình, rồi mới dờn đi. Khi ấy Đức Cha quá cực, nên phải lấy chiếu che cho khuất, mà cam lòng chịu vậy.

*
* *

Khi đến thành, thì lính đem ngay vào chính đường, để Đức Cha gần đó. Còn mấy người can án, thì quân dẫn đến hầu quan Thượng hối Đoạn quan dạy nọc đánh thầy Tuyên chú Nghiêm, và ông Quả, mỗi người ba mươi roi, rồi xây ra hỏi

Đức Cha : qua Nam-việt đã mấy năm ? qua đây làm chi ? vắng lai những nơi nào ? trú ngụ vào đâu ? ở nhà bà Lưu đã bao lâu ? việc giặc giã có biết chẳng ?

Đức Cha trả lời rằng : « Tôi qua nước này đã ba mươi bảy năm nay. Việc giặc giã tôi không hề biết, tôi cứ lo giảng đạo châu khắp, viếng thăm bốn đạo, từ Đông-nai cho đến Huế, rồi trở về Bình-định : thường trú tại làng Xuân-hương, khi chỉ truyền dõ nhà sáp đạo, tôi không biết ở đâu, túng thế ghé tạm ngụ nhà bà Lưu, mười bữa rày mà thôi. Tôi cứ thật khai ngay, quan nghị án cho tôi thế nào thì nghị ».

* * *

Quan hỏi bấy nhiêu lời, rồi đòi Bếp Hương vô, giao Đức Cha cho y phụ dưỡng và canh thủ ; còn bảy người can án, thì quan dạy tản giam các trại, không cho ở chung một chỗ. Qua ngày sau, quan dạy đem Đức Cha, và những người can án vào công đường. Các quan hội đồng cũng hỏi lại các điều đã hỏi hôm qua. Khi ấy Đức Cha tuy liệt nhược, ưu phiền, mà Người ứng đáp vững vàng chẳng hề sai suyến. Khi ấy tờ bộ chưa về, nên quan tỉnh chưa dám tra tấn Đức Cha, cứ tấn hỏi thấy Tuyên ông Quả chú Nghiêm, rất dữ dằn độc ác. Đức Cha mắt thấy tai nghe, các con phải gia hình, kìm khảo, thì biết Người đau lòng xót dạ là dường nào !

Lại đã nhiễm gió tám mura, thêm ưu sầu, để cha thấy phải bất giam, cá bảy chiên về tay sói dữ, phần thì thấy cả địa phận nát không còn : song Đức Cha sánh bằng thánh Gióp xưa, dầu tin tức dữ dần chồng chấp tuồng đến, mà người cũng vững vàng chữ dạ sắc gan, phú dưng theo ý Chúa, chẳng hề than van năn nỉ ; phần Người bị cầm trong cũi chật hẹp, thói tha hời hám, khôn bề trần trở. Cho nên lâm phải bịnh hạ lợi.



Quan thấy bịnh nặng, sợ Người chết trước khi án về. Nèn cho Người ra ở ngoài, may có giảm bớt chẳng ; mà bịnh càng ngày càng thêm, thì quan đòi lương y đến điều trị. Đức Cha cũng vưng uống thuốc đã nhiều, mà bịnh cũng không thấy giảm, nèn Người thôi uống. Quan tỉnh nghe Đức Cha không chịu uống thuốc nữa, càng sợ Người chết gấp, không kịp tra hỏi, thì đòi thầy Tuyên đánh, bảo thầy ép Đức Cha uống thuốc ? Thấy Tuyên phải đòn cực lắm, đến thưa xin Đức Cha chịu phiền uống thuốc, kéo quan đánh chết chúng con không kịp án về. Đức Cha nghe thầy Tuyên than, thì thấm tình thương, cũng ép mình mà uống, song uống mấy, bịnh cũng không giảm được : thương là thương ! phần thuốc the đã không

hiệu ... Còn việc cấp dưỡng rất đổi su sơ, cơm cá hơi thờ, buổi lành mạnh cũng khó nạp, hưởng chi khi đau ốm ; lại chỗ nằm ngồi trống trải mưa lông gió tạt, bệnh càng thêm nặng. Cho nên từ giải lên tỉnh đặng mười bảy ngày, Đức Cha sức hơi mòn, phú linh hồn Chúa rước Người về nước Thiên đàng.



Đức Cha tắt hơi canh một : qua canh năm án bộ về dạy xử lãg trì, trăm thủ. Chúa lòng lành vô cùng rước Đức Cha đi trước, kéo phải án dọc đường ấy.

Tỉnh nghe Đức Cha chết, thì cho phái đến khám, rồi chạy tờ bẩm bộ. Khi ấy thấy Tuyên lay xin cho phép mua hòm đặng liệm táng Đức Cha ; mà quan Bồ độc ác, quở mắng rằng : “ hòm rương gì ! chặt đầu bó giát, đem giập đi. ” Song quan Thượng rằng : “ thôi, chặt đầu làm chi ? bó giát đem chôn mà thôi. ”

Vậy cách một đêm một ngày, quan troàn lính bó giát khiêng ra ngoài thành, chôn tại gò ở phía tây.



Khi quan hội đồng hỏi Đức Cha, thì Người

xưng ngay rằng : « Tôi qua Nam-việt châu lưu nhiều tỉnh, giảng đạo thiên Chúa » Quan cứ lời Người khai, thì kết án đạo trưởng, trăm phiên chạy về Kinh. Bộ tư lại, cải án xử lạng trì trăm thủ.

Mà Người chết trước khi án về. Cho nên tỉnh phúc tư, thì bộ tư lại dạy phân thầy, rồi thả xuống biển.

Vậy Đức Cha qua đời ngày 13 tháng 10, năm 1861 ; qua ngày 21 tháng hai tờ bộ mới về, thì ngày 22 tháng ấy, tỉnh dạy quật xác người lên. Phái quan giám sát, và quân lính gói xác vào giỏ, chở đi thả biển. Cho nên xác Người biệt tích tìm kiếm chưa ra.

Khi quật xác Đức Cha lên, quân lính áp việc đó, và những người đi coi, truyền lại rằng : « xác ông tây lạ lắm, chôn đã trăm ngày ; đào lên còn nguyên ; nằm như ngủ vậy. » Lại cũng có tiếng đồn xác Người khi đã thả xuống biển, mà không chìm, cứ nổi linh đình, mặt mũi tươi tốt, dường như sống vậy ; lại có ngọn đèn chiếu soi đưa xác lên xuống ; ấy là lời thiên hạ đồn mà thôi. Lại có kẻ nói rằng : có thợ chài kia gặp xác Đức Cha tấp tại ngã Tư, ông ấy vớt lên táng tại bãi, rồi cải táng tại rừng cấm, sau làm ăn nông nổi, tin rằng : nhờ phước chôn xác ấy. Khi ông ấy gần chết trời bảo con cháu giữ kín, đừng chỉ mách cho ai. Bởi vậy biệt tích, không biết đâu mà tra hỏi.

Ôi ! vầng chìm sông Lệ, thương ôi ! gió đưa
ngọn thắm, mưa rơi giọt sầu. Bưng khuôn lòng
khiến thắm thương ; thương cha lâm tử cũng bằng
tội hơn. Ngậm ngùi cảm bấy công ơn, ơn còn
cha mất, lòng như tơ vò. Lang-sa đất cũ bỏ đi, tấm
thân ký thác, biển hồ minh mông, phong phần
không biết nơi đâu, kiếm tìm chẳng thấy, âm cầu
chẳng thông, xơ rơ mấy cụm bồ đào, mống mây
mỏi mắt, mưa dào vắng hơi.



Đây nói về thể thức đức hạnh Đức Cha, cho
ta đặt kính ngợi, và học đòi bắt chước.

Ngôi thân Đức Cha cao lớn cân phân, phương
phi đoan trang duyên đẹp, thể thức nghiêm trang
chững chàng an hòa khoan hậu. Thể diện oai
nghi, mà hiền hậu ân ái, chác lòng ai nấy, phần
kính phần thương. Trí huệ cao minh, khôn ngoan
khó ví, mất việc rồi khó, Người bày biểu phương
lương xuôi tận. Bốn phương từ về thưa hỏi,
Người điều độ thấy đều thanh thỏa, lại khôn khéo
toan lường, thấu tình biết ý mọi người. Cho nên
hễ ủy việc cho ai, thấy đều cân tài xứng sức, việc
khó dễ, Người đã nắm phân ; cho nên ai ai thấy
đều thẳng chỉ, chẳng có sứt sùi gởi chối tháo lui.

Đức Cha có lòng công tâm ái tuất, thương kẻ
có công, bù chi người khó nhọc, chẳng hề phụ

phàng bôi bác. Cha thấy giảng dạy mở mang cùng những hàng chức việc phụ giúp việc chung ; khi về hầu, thì Người hỏi han mừng rỡ, tỏ tình ái yêu. Nhất là các chú ở mọi công lao khó nhọc, rất đối yêu thương vì nể ; thì Người dạy thấy việc lo mọi nỗi bĩ báng ; bởi vậy dầu nguồn cao nước đục, cũng vững chí bền lòng, chẳng một ai phiên chí tháo lui

Đức Cha rất can đảm chí chuyên, trong cơn bất đạo nhất nhiệm, dầu vua hờn quan ghét mặt lòng, thì Người cũng vững chí, chẳng hề nao chuyển, lâm có hao tổn thể nào cũng chẳng quản, miễn được thành việc thì thôi. Bởi đó mới thành đảng nhiều sở nhiều họ, hãy còn đến nay. Đức Cha hay chịu khó nhịn nhục mọi đảng, cả đời Người luống những chông gai, đêm hôm tối tăm, bất kỳ mưa gió đi chỗ nào sang nơi kia, viếng thăm các sở, nên ghe phen nhuộm bịnh, cũng vui lòng, mà rằng : " phận như vậy, mà tôi mừng hơn ai cho tôi làm vua, vì trông ngày sau đảng phước tử đạo. Gươm đao kiếm kháo, tôi chẳng gớm, tôi xin cho đảng tan xương nát thịt cho sáng danh Chúa mà thôi. "

Lòng Đức Cha sốt sắng phấn rỗi người ta, đêm ngày lo cho hồn đạo thêm lòng sốt sắng ái mộ thờ phượng Chúa, và ân cần gởi khuyên nó,

đặng vững vàng chịu mọi sự khó trong cơn bắt đạo. Phần thì lo trăm phương mười ngõ đem kẻ ngoại trở lại; Người thân chinh ra ngoài chẳng đặng, thì hội diện cùng thơ từ thối thúc các hàng Linh mục phải thân sức lo cho con chiên, cùng giảng khuyên những người ngoại giáo hết tình, đừng tị nạn. Lại khuyên ai nấy, nhứt là chức việc các sở, ra sức kiếm châu nhưng; đừng tham phú, phú bản, vì kẻ cơ bản cũng là con Chúa; phần công lao Người chẳng hề phụ bạc. Đức Cha trong lúc bắt đạo, có ai khoá quá, ăn năn trở lại, thì Người dạy đem mấy người kẻ ngoại trở lại mà đền vì tội.

Đức Cha hay thương giúp kẻ sa cơ mắc nạn, nhứt là những kẻ bị tù lao vì đạo, thì sai kẻ đi thăm viếng, ai thiếu thì chẳng nề giúp bợ phù trợ. Bằng kẻ phải lưu đày tha phương, thì Người dạy các sở phụ tùng đưa rước.

Đức Cha rất cần tắc gia đình, Người lo tuần túc mọi bề, chẳng cho trễ tràng việc bốn phận. Các chú cùng những người giúp việc thì Người giao cho thầy coi sóc dạy dỗ. Thường năm, hễ các Cha cấm phòng rồi, thì cấm phòng các chú luôn theo dịp ấy.

Đức Cha rất tiết kiệm, ăn mặc đơn sơ, thường dùng áo vải đen quần lụa. Trừ ngày Chúa Nhứt lễ cả, Người dùng bữa ngày hai mà thôi. Thường

thấy một miếng thịt đĩa muối, không thêm vật gì khác.

Phần các thầy, Đức Cha cho ăn mặc tùy tiện : khi ở nhà, thì áo đen quần vải, còn khi ra ngoài đi dạy, thì Người cũng cho mặc lụa là dặng dể trà trộn, kéo người ta biết mình, sinh khó việc chẳng ?

Đức Cha rất thẳng phép, hễ ai có lỗi, thì Người quở phạt, chẳng vì nể. Đã vậy mặc lòng, chẳng hề nghe ai than van nan trách điều gì; một thương nhớ nhắc nhở chẳng khi nguôi.

Ấy Đức Cha thật đã nên thẳng mực và gương phước cho mọi người trên dưới học đòi bắt chước. Người đã sinh sản nhiều con cái cho Chúa Khi-ri-xi-tô. Nay Chúa trả công cho Người trên nước Thiên đàng.



Vậy ta phủ phục lạy đưa Đức Cha vài lời vắn tắt.

NHỚ CHA XƯA.

Duông mạo đoan trang, đức hơn cao trời.

DẪN lòng quyết chí, cuộc thế đứng vững ;
Tích đức lập công, nước thiên đàng mong mỏi.

TỪ thuở Linh mục chức trọng,
Bình thời đã hết tiết trung trinh ;

NHÂN khi lên Giám mục quờn cao ;
Bát loạn lại vững cầm diềng mối.

THUYỀN Hội thánh ghe lặn nguy hiểm ;
Trận phong ba đang lăm lúc bồi hồi.

VƯỜN bỏ đào đôi cụm héo don lăm lúc ;
Đám sương tuyết đã từng phen tắm gội.

DẮC dúi mấy con chiên xiên lạc ;
Đàng thiêng liêng sáng cõi trời nam.

AU lo bóng tối mơ mang ;
Lễ đạo thánh thẫu miền đất mọi ;

KINH sách in để dẫn đàng phước đức ;
Roi từ nghiêm hằng tỉnh thức u mê.

CHA thấy phong hầu giúp việc thiêng liêng ;
Đèn thần thánh khắp soi miền tăm tối.

THÊM phước viện giục người trinh khiết ;
Xuân hoa thu thiết cũng tài bồi.

LẬP học trường mở rộng cuộc tấn tu ;
Nam tuyền đồng kiểm đều tụ hội.

DẠY kẻ ngoại biết đàng chơn chính ;
Đạo Chúa Trời khắp xứ khai quang.

NHỮNG tướng cơ hội ấy ;
Thì vận ấy còn đang lâu dài.

NÀO hay cơ sự này ;
Nỗi nước này, đổi thay kíp vội.

TRƯỜNG thu phong leo lét ngọn đèn chong ;
Tòa Giám mục, lạnh lùng cơn gió thổi,

THƠ RÀNG ;

SAO thương nguyên rải rác ;
Cám cảnh vì tăng tác bảy chiến.

TRĂNG nghĩa lý mơ màng ;
Thăm thiết nỗi lung lăm miệng sỏi.

GIỌT lụy kinh yên theo sóng gợn ;
Sông Tân-an cuộn cuộn dòng quyền.

VÌ đạo chịu gian nan đến chết ;
Ngàn thu gương phước rạng ngời.

THẨM tình sa nước mắt đòi cơn ;
Chín khúc tấn lòng đơn bội rồi.

BÌNH Nam Ngãi Thuận An Hòa Hối đó ;
Cha đi cảnh ở luống sầu.

AO dòng dẫn cũ còn đây ;
Chủ mất vật còn, càng thêm tủi.

PHẬN cha rồi gian nan hết ;
Chúng con vợ vợ giữa vời.

SỰ đời phân hiệp có khi ;
Phân rồi lại hiệp xây vắn vô đoan.

*
* *

Đức Cha bị bắt và chết rũ tù vì đạo, nên
danh tiếng Người vang lừng khắp nơi, ai ai cũng

đều đem lòng tin Người đã lên Thiên đàng. Vậy Đức Cha Trí kế vị Người, hết lòng ước ao Đức Giáo Tông tặng Đức Cha Thẻ lên Vì Thánh, hầu cầu bầu cho địa phận. Nên năm 1870, người đặt bốn cố làm giám tra, và ba thấy ký lục, mà tra hỏi Tự-Tích Đức Cha Thẻ, và Ông Năm-Thuông, đủ chứng minh bạch ; đoạn Đức Cha gửi qua Roma, năm 1875. Qua ngày 13 tháng hai tây, năm 1879, Toà thánh tra xét kĩ càng ; đoạn hạ sắc phong Đức Cha lên bậc Đáng-Kính, một lượt với Ông Năm-Thuông. Qua năm 1890, Đức Cha Hàn vưng lệnh Toà thánh tra lại tích hạnh hai Đứng ấy một lần nữa. Và gửi qua Roma phụng xin Đức Giáo Tông khăng phong lên bậc Chơn-Phước.



Vậy đầu năm 1909, Toà thánh cứu lại kĩ càng Tích-Hạnh hai Đứng Đáng-kính ấy, thấy không sự gì trắc ngại, bèn hạ sắc tặng phong lên Vì Chơn-Phước, và định tháng năm tây năm ấy, sẽ làm lễ trọng thể, tặng phong hai Đứng ấy tại thành Rô-ma.

Còn hai cốt Đứng Chơn-Phước Xi-tê-pha-nô, thì biện tích tìm không ra, hầu gửi qua Rô-ma mà kính trong ngày ấy.

Vậy đến ngày mồng hai tháng năm tây Đ. th. Pha-pha Phiô thứ mười làm lễ tại kinh Rô-ma

rất trọng thể, phong chức Chơn-Phước cho thánh Giám mục Xi-tê-pha-nô Thê, cùng thánh Trùm cả Anrê Năm-Thuông, cùng 31 đứng Chơn-Phước khác về Hội Giảng đạo, tử hình vì Chúa bên Phương Đông.



Vậy sớm mai chính ngày phong thánh, thì có đông hội người tụ tới đền thờ ông thánh Vêrô là đền thờ cả thành Rô-ma. Bà con ruột các đứng Chơn-Phước Langsa, là hai cháu Giám mục Chơn Phước Thê, cùng ít nhiều người khác, thì cứ lên toà đã dọn sẵn kể cung thánh

Đền thờ trần thiết rất xinh đẹp, cờ treo nệm trải, trướng đều bao mấy hàng cột, có nhiều bức ảnh diễn hình tích công trạng các đứng Chơn Phước. Trước tiên dăng treo một lá cờ lớn ; vẽ hình các đứng Chơn-Phước hiệp vậy hai bên Giám mục Chơn-Phước Thê, mà chức Thiên thần hiện xuống trao nhánh lá hiển vinh cho ; dưới chơn pho đứng ấy thấy tạc những đồ hình khổ tử đạo. Bức đại kỳ này chưa xỏ ra. Trên bàn thờ chính có bức hình khác, diễn sự viuh vang khởi hoàn pho đứng ấy, nhưng mà có tấm màn che khuất.

Chừng mười giờ, bỗng chúc các đèn khí bực máy lên ngọn chói loà rực rỡ ; đèn lớn phát bài

xướng ca êm ái hơn bở. Cũng một khi ấy các đứng Hồng-y, các đứng Phụ việc lễ bô, viên Đẳng sở tại đến thờ, bệ trên trường chung hội Giảng đạo, và sau hết, một đức Giám mục làm chánh tế, cả thầy sắp hàng dài mà vào đền thờ thẳng lên cung thánh, cách oai nghiêm trọng thể.

Các đứng Hồng-y ngự toà hai bên cung thánh, các đứng khác cũng cứ phạm chức mà ngồi kê sau. Bấy giờ hai cha đã đứng đơn xin phong thánh, thì đứng dậy đến trước toà đức Hồng-y là đầu hội Bộ lễ, mà lãnh lệnh rao sắc chỉ Phong thánh; đoạn đến trước toà Đức Hồng-y Chương thủ đền thờ, mà xin phép rao truyền sắc ấy.

Khi đọc sắc chỉ vừa rồi, tức thì đức Giám mục làm chánh tế xướng kinh quen hát cảm ơn Chúa. Các chuông lầu rung nổi tiếng vang lừng, màn che bức ảnh lớn trên bàn thờ xỏ xuống, bày tỏ hình các đứng Chơn phước đương lên mây khởi hoàn về trời; lại bóng đèn phía sau giọi vào những rìu yếng sáng, thì càng làm cho bức ảnh thêm chói loà rực rỡ khôn kể xiết. Mọi người tai nghe mắt thấy những đều cả thể tốt lành dường ấy, đều động lòng sững trí, khác nào đã xem thấy vinh hiển Thiên đàng; cả thầy rập một tiếng mà tung hô Chúa chí thánh. Khi ấy bức đại kỳ trước tiền đàng cũng xỏ ra. Đoạn Đức Giám mục làm lễ trọng thể.

Ban chiều người ta càng đông hơn. Chừng giờ thứ năm, Đức thánh Pha-pha ngự ra trước bàn thờ mà kính xưng thánh các đứng Chơn phước mới. Khi Người vào đền thờ cùng khi ra, thì ngự trên ngai kiệu, có 23 đức Hồng-y theo châu, người giờ tay làm phép lành cho bốn đạo đương qui hai bên.

Ấy là kẻ đón mà thôi; ai có mặt ngày ấy mới hiểu được mọi việc đã nên vinh hiển rực rỡ oai nghi là trùng nào.

*
* *

Ta đây cuối tháng giêng năm ấy đã hội hiệp mà làm lễ kính tam nhật kính hai đứng Chơn phước, ta cũng đã hết lòng vui mừng trọng thể. Trước đã làm tại Làng-sông, sau làm tại Gò-thị, cùng ít nơi khác nữa.

Vậy chúng ta còn hãy hết lòng sốt sắng, mà châu mỗi năm lễ các thánh ấy, trước là tạ ơn, sau ngợi khen phép tắc và lòng lành Chúa đã ban thường phước rất trọng cho tôi ngay con thảo Người, và kính ngợi công nghiệp Đức Cha Chơn-phước Thể, đã chịu gian nan khốn khó vì Chúa, cùng vì phần rỗi con chiến trong lục tỉnh địa phận đang trong này, nên đã phải bắt bớ giam cầm và chết tất tưởi dường ấy. Nay Chúa thường công nghiệp lên nước Thiên đàng.

Vậy chúng ta hết thấy hãy rập một tiếng chúc tụng rằng :

Lạy mừng Cha rất nhơn hiền và ân ái chúng con thơ dại, cạn lời. Ngợi công ơn Cha sao cho xứng? Ơn Cha hằng hà sa số, biết lấy đâu mà lường cho tày. Khó nhọc thân Cha đã lắm lúc ba mươi năm lẻ, kê sao cho cùng. Mừng gian nan ấy đã phui rồi. Mừng tan khổ trái qua đà trọn. Mừng Cha sum hiệp khoái lạc tiêu điều. Mừng đăng toà cao triều thiên hoan hỉ. Mừng đăng ngự trị muôn kíp chẳng cùng. Xin đoái chúng con khỏi vòng nguy hiểm, đương khóc lóc kêu khẩn Cha thương. Nguyên đặc diu chúng dân xiêu lạc, về ràng chiến khỏi chước quỷ ma. Hầu sau đăng về cùng Cha hưởng phước muôn đời tiêu soái. Cảm tạ ba Ngôi một Chúa, hằng sống hằng trị đời đời chẳng cùng.





— I —

Văn hát mừng Chơn phước

GIÁM MỤC XI-TÊ-PHA-NÔ THÊ

CÙNG AN-RÊ THUÔNG.

KÍNH mừng hai đứng nhưn hiền ;
Đáng chức trọng muôn đời ghi tạc.

XIN đoái chúng con hèn mọn ;
Dưng lời què mảy vận ngâm nga.

CẮT tiếng ngợi lòng son phới phở ;
Nức dạ mừng lụy ngọc nhỏ sa.

NHỚ xưa ở chốn trần phàm ;
Lao lý đã dày công đức.

MỪNG nay lên vì Á-thánh ;
Tước lộc rất đổi vinh hoa.

MUÔN kiếp danh thơm vô trụ ;
Ngàn thu tiết rạng sơn hà.

NHỚ XƯA CHƠN-PHƯỚC PHA-NÔ.

Việc thờ kính ân cần sốt sắng ;
Bề thảo ngay khiêm nhượng thật thà.

Thuở bé thơ từ cuộc tang bồng,
Vui đạo đức ben theo gương thần thánh ;

Chừng khôn lớn chuyên bề giáo hoá,
Cứu dân lành thoát khỏi lưới quỉ ma.
Chịu lao đao khốn cực ghe đàng,
Gắn hết sức cho sáng danh Hội thánh ;
Nếm tan khổ hiềm nghèo mọi nỗi,
Liều sống mình vì phần rỗi người ta.

NHỚ XƯA CHƠN PHƯỚC AN-RÊ.

Việc thờ Chúa hết lòng thành kính,
Giúp đức thầy giữa hội phong ba.
Đức mến tin sốt sắng tợ lửa lò,
Gương như phước đà nên cao trời ;
Tiết trung nghĩa vững vàng đường cột đá,
Đàng chông gai chẳng nệ xông pha.
Hiệp tứ thầy mở đạo thánh đời nơi,
Của cái công linh chi sá quản ;
Dưng hồn xác chịu gian nan hấy thuở,
Công cùm trắng trời rất nhuốc nha.
Thác giữa ngục trăm phần tất tưởi,
Lên trên trời mấy độ cao xa.
Kiếp phong trần đã khỏi bước gian nan,
Thắng trận ba thù vẹn vẽ ;
Chức tử đạo bia để thêm chói lói,
Khởi hườn một cuộc nguy nga

Công cao còn tạc nơi phàm thế ;
Gương sáng hằng treo giữa Thánh toà.

Xưa ở đời vì Chúa liễu mình,
Chịu mấy đoạn gian nan khổ hải ;

Nay khỏi thế hiệp về châu Chúa,
Hưởng muôn đời phước lộc thiên gia.

Cúi lạy xin Chúa cả ba Ngôi,
Thương Hội thánh ơn thiên rưới dùm ;

Vì công nghiệp cao sang hai đấng,
Cho Việt-nam đạo thánh chói lòa.

Đôi tám phước khâm sùng đảng chánh,
Vưng mười răn dứt bỏ thói tà.

Xin khẩn cầu trước bệ chí tôn,
Xướng phước gọi nhuần trăm họ,

Đặng tin mến xứng niềm hiếu tử ;
Nhờ ơn sum hiệp một nhà,

Biết chí thú trau dồi đức hạnh,
Lo ăn cần luyện tập nét na.

Nguyện làm bốn mạng chúng con,
Che chở khỏi vòng tội lụy.

Nương cậy lời cầu các thánh,
Lỗi lầm nhờ phước thứ tha.

Dưng xác hồn trọn đạo làm tôi,
Noi gương thánh mưa hễ trẻ nãi ;

Quyết sống thác hết ngay thờ Chúa,
Tạc đá vàng chẳng dám sai ngoa.

Sáng danh Một Chúa toàn năng,
Các tầng trời đều chúc tụng ;
Kính lạy ba Ngôi chí thánh,
Cùng trái đất hãy âu ca.

— II —

KINH HÁT MỪNG KÍNH LỄ
Chơn phước Giám mục

XI-TÊ-PHA-NÔ THÊ.

Hôm nay Hội thánh vui mừng,
Kính lễ trọng Pha-nô Giám mục.
Khắp khởi giáo nhơn mừng ca chúc
Tung hô Chơn phước tiếng rập ràng.
Thánh xưa nhờ sức Chúa ban,
Vừa khôn lớn lánh vòng thế tục ;
Trường nhơn đức ân cần ủy khúc,
Bụi trần gian vẹn vẻ khiết tinh.
Trọn bề đức hạnh thông minh,
Lên Chánh tế dâng mình giảng đạo ;
Trầy sang nước Việt-nam truyền giáo,
Vun quén nền Hội thánh công lao.
Phi lòng mơ tưởng ước ao,
Nọ sơn thủy phong ba nào kể ;
Miễn cứu đặng linh hồn người thế,
Chẳng sá chi sanh tử trần phiền.

Linh trên Giám mục phong quyền,
Lãnh mào gậy chấn chiên gánh nặng ;
Cúi vâng mạng đành bùng chén đắng,
Ngửa trông ơn ban xuống mùi ngon.

Vì lòng yêu dấu các con,
Chẳng chịu trốn trong cơn nguy hiểm,
Chiên xiêu lạc liệu phương tìm kiếm,
Kẻ xa xuôi thơ gởi ủi an.

Dầu cơn bất đạo gian nan,
Cũng ra sức mở mang địa phận,
Phải ăn ánh nhiều nơi lặn đạn,
Chịu cơ hàn ghe nổi thiết tha.

Muốn cho cả sáng danh Cha,
Hội Linh mục công đồng ra luật ;
Chỉ dẫn mọi đảng nhưn đức,
Chép biên mẹo mực thiêng liêng.

Thấy trên đất Mọi xa miền,
Chưa nghe đặng đạo lành thói tốt ;
Hằng tư tưởng đem lòng thương xót,
Cứ nghĩ suy sai kẻ giảng truyền.

Một mình cầm lái sửa thuyền,
Giữa dòng tố tự bề sóng bở ;
Trải ngàn dặm xiết bao tân khổ.

Uốn trăm chịu nào kẻ khúc nôi !

Kìa đảng thánh giá, hỡi ôi !

Vui ly tiết chê phần sung sướng ;
Ngóng cổ trông thiên đảng phước hưởng,

Ngửa tay trao quân dữ hành hài.
 Tư bề mắng nhiếc chê bai,
 Rằng : tây tặc ăn tàng sanh sự,
 Nhốt trong cũi dường như thú dữ,
 Giải đến nha khác thể tội nhờn.
 Khen lòng mạnh mẽ keo sơn,
 Xưng đạo Chúa chi sờn tắc dạ ;
 Gương phước đức sáng soi thiên hạ,
 Tiết trung trinh thấu khắp đông tây.
 Cha ôi, công nghiệp thậm dày !
 Cam chịu chết cô thân tất bạt !
 Quân lính vâng lệnh truyền ném xác,
 Thiên thần phụng mạng xuống rước hồn.
 Cúi xin Cha nhớ các con,
 Nơi khổ hải đang còn lặn lội :
 Giúp đến cửa bình an hiệp hội,
 Hầu nhờ nơi tiêu soái cùng Cha. A-men.

— III —

KÍNH LẠY PHA-NÔ AN-RÊ.

CHƠN phước hai thánh hiền đề cao sang ;
 Xưa Cha chẳng kể,
 Cơ hàn tử sanh.
 Trầy quanh nhiều chỗ gặp lành ;
 Vô dạng Nam-việt lộ trình đắng cay ;

Cha lo việc Chúa,
Theo ngày tùy cơn.
Nói, thì lập nghiệp làm hơn ;
Hẹp, thì trốn tránh đợi ơn Chúa Trời ;
Làm thì dốc sức,
Chẳng thời lo âu.

Thánh Thương con cả làm đầu,
Giúp Cha kiệt lực dãi dầu Cấn nông ;
Tớ thấy tâm tinh,
Dạ đồng tới lui.

Cha ôi ! thảm thiết ngùi ngùi,
Vì con Cha cực sệt sùi chẳng an ;

Hồn Cha thặng hưởng,
Thượng bang thiên đàng.

Xác Cha thất tích lạc làng,
Con tìm chẳngặng bàng hoàng xót xa ;
Xin Cha khứng chỉ,
Con mà phỉ thương.

Rày Cha nghĩ chốn vô cương,
Ngửa xin chiếu cố xem tường đoàn chiến,
Con lo thắng thời,
Trận chiến trường đua.

Xin cầu đặng thắng khỏi thua,
Khởi hườn thấy Chúa là Vua thiên đàng.
Cha con hoan hỉ,
Muôn vãn đời lâu. A-men.

✠ Lạy ơn ông thánh Xi-tê-pha-nô cùng ông thánh An-rê, xin cầu nguyện cho chúng tôi.

✠ Đáng chịu lấy những ơn Chúa, theo như lời Chúa Khi-ri-xi-tô đã hứa.

Lời nguyện.

Chúng tôi lạy Đ. C. Cha lòng lành vô cùng, đã làm cho dân An-nam đăng tin đạo thật, và đem vào sổ con Hội thánh, bởi những lời Đức thầy Xi-tê-pha-nô giảng, cùng mọi phước đức Người làm, xin Chúa lấy lòng khoan dung mà ban ơn phù hộ cho chúng tôi, là kẻ có lòng kính công nghiệp trọng vọng ông thánh Xi-tê-pha-nô và ông thánh An-rê, đăng học đòi bắt chước mọi nhơn đức Người cho trọn, vì công nghiệp Chúa Khi-ri-xi-tô cũng là Chúa thật hằng sống hằng trị cùng Đ. C. Cha, và Đ. C. T. T. đời đời chẳng cùng.

A-men.





KÍNH LỄ

CHƠN PHƯỚC GIÁM MỤC XI-TÊ-PHA-NÔ. THÊ

VÀ AN-RÊ NĂM THUÔNG.

Ca tông đồ hát khi kéo vô nhà thờ.

Măng măng măng, vui vui vui !

Trên vui thay thần thánh ;

Dưới mừng bầy chúng dân ! [hai lần]

Vui vui vui !

Giáo hữu đông đầy, lòng phới phở ;

Thánh đàn rực rỡ, nhạc nổi ran. [hai lần]

Vui vui vui !

Lấy lòng lời ca vịnh ;

Đâm ăm tiếng ngợi khen. [hai lần]

Vui vui vui !

Khen Đức Cha lành địa phận ;

Ngợi vì thánh cả An-nam. [hai lần]

Vui vui vui !

Vui Cha đã trải qua biển đắng ;

Măng thánh nay hưởng tiệc ngọt ngon. [hai lần]

Vui vui vui !

Cờ điều kia phất phất ;
Mão ngọc nọ ngời ngời. [hai lần]
Vui vui vui !

Trận tam cừu Cha thắng trọn ;
Ơn thất đoan thánh gọi nhuần. [hai lần]
Vui vui vui !

Việt-nam rày rạng tiếng ;
Địa phận đã thơm danh. [hai lần]
Vui vui vui !

Trên trời thần thánh đều hoan hỉ ,
Dưới thế giáo nhơn thấy nguyện xin. [hai lần]
Vui vui vui !

Xin cho trên dưới an hoà,
Thờ phượng (hứa) đầy lòng sốt sắng ;
Nguyện giúp vua quan thanh trị,
Khâm sùng đạo, hết dạ kính tin. [hai lần]
Vui vui vui !

Rày dưới thế hát mừng các thánh ;
Sau lên trời châu chực Ba Ngôi. [hai lần]
Vui vui vui !!!

